

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày: 10 - 7 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1978 - là Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A.

Địa chỉ: đường T, ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết N, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện nay: Số G, đường L ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông có thỏa thuận bán lúa giống loại lúa ST24 cho bà Võ Thị Tuyết N (M). Ông giao lúa giống cho bà N 02 lần, lần thứ nhất giao vào ngày 13/01/2019 với số lượng là 8.300 kg, giá lúa là 18.000đ/kg, bà N có làm biên nhận và ký tên. Bà N đã xạ lúa đợt đầu được 300 công và lần sau còn lại là 300 công bà N cho biết lúa xạ mọc lên thưa, nên yêu cầu ông giao thêm 1.700kg vào ngày 28/12/2018 âm lịch cho bà N, lần giao này không làm biên nhận nhưng bà N xác nhận có nhận 1.700.000đ ông giao thêm. Ông và bà N có thỏa thuận khi tới mùa thu hoạch ông sẽ mua lúa lại giá là 6.200đ/kg lúa tươi với tổng diện tích là 600 tầm cấy. Nếu lúa có lẫn các giống khác thì bên giao lúa tự khử lẫn và bên nhận mua lúa không phải trả tiền. Vì ông ở xa nên khi giao 1.700kg ông giao sau không biết được là bà N có xạ giống lúa khác không. Khoảng 30 ngày sau khi bà N xạ lúa, ông có lên thăm đồng và hai bên có thỏa thuận lại khi lúa trở đều sẽ làm hợp đồng để xác nhận độ lẫn cần phải khử thì giá thu hoạch 6.200 đồng hoặc là không khử thì sẽ theo giá thỏa thuận lại và ký hợp đồng đưa thêm 200.000đ/công tầm cấy.

Nhưng đến khi lúa trở đều thì ông đem công nhân lên để khảo sát khử lẫn hoặc mua luôn theo thỏa thuận thì bà N đã bán lúa ra bên ngoài cho người khác và không trả tiền lúa giống mà ông đã giao cho bà N.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ông khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Tuyết N phải trả cho ông tiền 10 tấn lúa giống loại lúa ST24 thành tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ tháng 02/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm do ông có mua thuốc dưỡng của bà N số tiền là 36.000.000 đồng nhưng ông chuyển trả cho bà N được 15.000.000 đồng. Còn nợ lại 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông thống nhất khấu trừ tiền mua thuốc dưỡng ông còn nợ bà N nên ông chỉ yêu cầu bà N trả cho ông 159.000.000 đồng (180.000.000 - 21.000.000 = 159.000.000đ) và không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai và các lời khai bị đơn bà Võ Thị Tuyết N trình bày:

Thừa nhận vào ngày 10/01/2019 ông Nguyễn Văn T có giao cho bà 8.300kg loại lúa ST24 giá 18.000đ/kg, bà có làm biên nhận cho ông T và ông T hứa bao tiêu mua lại lúa giá là 6.200đ/1kg lúa tươi tại ruộng. Ông T hứa khi xạ được 01 tháng sẽ đưa thêm cho bà mỗi công là 200.000 đồng tiền cọc bao tiêu lúa tổng cộng 600 công là 120.000.000 đồng, thời gian sinh trưởng là từ 90 đến 95 ngày, về việc lúa lai lẫn thì ông T tự cho người đến khử lẫn, chi phí khử lẫn ông T trả.

Đến khi ngâm giống lúa thì bà phát hiện lúa quá cũ, giống đã bị mọt ăn và hạt giống không được đẹp bị lai lẫn, ngâm thì chỉ nảy mầm 30% nên bà báo cho

ông T thì ông T chuyển thêm cho bà 1.700 kg giống lúa ST24 nữa, không làm biên nhận. Từ khi bà xuống giống 01 tháng thì bà liên tục thúc ông T lên kí hợp đồng đưa tiền cọc bao tiêu như đã hứa nhưng ông T không lên. Đến ngày thu hoạch lúa có người lạ nói là người của ông T đến đòi nhận lúa nhưng ông T không có mặt nên bà không giao lúa vì đến thời điểm đó ông T vẫn không thương lượng giá hay ký hợp đồng mua bán với bà.

Mùa đó lúa của bà chỉ đạt năng suất 200kg/1 công, lúa sinh trưởng 120 ngày chứ không phải năng suất 600kg/1 công, sinh trưởng 90 đến 95 ngày như ông T đã nói, gieo lúa giống mua của ông T đã bị thất mùa và bị lỗ.

Ông T có nợ bà tiền thuốc dưỡng là 36.000.000 đồng, ông T đã chuyển trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 21.000.000 đồng. Bà đồng ý khấu trừ qua tiền lúa giống. Nhưng việc ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền lúa giống còn lại 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng) thì bà không đồng ý trả vì việc xạ giống lúa ông T đưa gây thiệt hại cho bà rất nhiều.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ vào hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Tuyết N phải trả cho ông số tiền 180.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét tại biên nhận ngày 13/01/2019 bà N có mua lúa của ông T số lượng 8.300kg loại lúa ST24 giá 18.000đ/kg, sau đó ông T có giao thêm cho bà N 1.700kg lúa, khi giao 1.700kg lúa thì không làm giấy, nhưng bà N xác nhận có nhận thêm 1700kg lúa loại lúa ST24 giá 18.000đ/kg, như vậy giữa ông T và bà N có hợp đồng mua bán với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán giữa hai bên đương sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ phù hợp theo quy định của pháp luật, tại giấy biên nhận mua lúa 13/01/2019 thể hiện bà N có mua lúa của ông T số lượng 8.300kg loại lúa ST24 giá 18.000đ/kg, sau đó ông T có giao thêm cho bà N 1.700kg lúa, khi giao 1.700kg lúa

thì không làm giấy, nhưng bà N xác nhận có nhận thêm 1700kg lúa loại lúa ST24 giá 18.000đ/kg. Sau khi nhận lúa đến nay thì bà N chưa thanh toán số tiền còn thiếu là 180.000.000đ cho ông T, do đó ông T yêu cầu bà N phải trả số tiền còn thiếu là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ông T xác nhận có nợ bà N tiền mua thuốc dưỡng thực vật là 36.000.000 đồng, ông T đã chuyển trả được 15.000.000 đồng, còn nợ 21.000.000 đồng do đó khấu trừ qua tiền lúa bà N còn thiếu 180.000.000đ – 21.000.000đ = 159.000.000đ. Do vậy buộc bà N phải có trách nhiệm trả cho ông T 159.000.000đ.

Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 13/01/2019, tuy nhiên tại phiên tòa ông T thấy bà N có hoàn cảnh khó khăn nên ông không yêu cầu tính lãi nữa, đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền 159.000.000đ.

[4] Bà N cho rằng khi mua lúa của ông T, ông T cung cấp lúa giống không tốt, khi trồng và thu hoạch không có năng suất, bà bị lỗ nhiều, nên bà không đồng ý trả tiền mua lúa giống cho ông T, nhưng bà không có yêu cầu phản tố đối với phần bị thiệt hại, tại công văn số 76/BCH-HC-KT ngày 01/4/2022 của Ban chỉ huy Quân sự huyện T xác nhận bà N có bị thiệt hại khi trồng lúa thì lúa có bị chết, không đạt năng suất nhưng cũng không ghi rõ thiệt hại bao nhiêu, mặt khác bà N cũng không cung cấp được chứng cứ bà bị thiệt hại và bị lỗ cụ thể như thế nào nên không có căn cứ để xem xét. Bà không thống nhất trả tiền mua lúa là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do bị buộc phải có nghĩa vụ trả tiền cho ông T nên bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 430, Điều 431, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; và các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 159.000.000đ.

Buộc bà **Võ Thị Tuyết N** có nghĩa vụ trả cho ông **Nguyễn Văn T** số tiền 159.000.000đồng (*Một trăm năm mươi chín triệu đồng*).

Về án phí: Bà **Võ Thị Tuyết N** phải chịu 7.950.000 đồng (*Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Nguyễn Văn T** được nhận lại 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000597 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, V.phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thu Hằng**